

Hà Nội, ngày 17-18 tháng 11 năm 2001

Biển Đông: Hợp Tác vì An ninh và Phát triển Khu vực

Giáo sư, tiến Sĩ Hasjim Djalal, MA

Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Đông Nam Á, Indonesia

Cho đến nay, các nỗ lực phát triển hợp tác vì an ninh và phát triển khu vực bao gồm **cách tiếp cận chính thức** của ASEAN, **cách tiếp cận không chính thức từ phía các cơ quan học thuật** và **cách tiếp cận không chính thức của các quan chức về biển Đông với tư cách cá nhân của họ**. Cách tiếp cận chính thức đã cho ra đời Tuyên bố Ứng xử giữa các Bộ trưởng Ngoại giao của các nước ASEAN và Trung Quốc năm 2002, giữa Trung Quốc và Philipin, giữa Philipin và Việt Nam trong việc phát triển các biện pháp xây dựng lòng tin hoặc Quy tắc Ứng xử giữa hai nước. Thông qua tiến trình Hội thảo về Quản lý các Xung đột Tiềm ẩn ở Biển Đông từ năm 1990, Indonexia đã đề xuất cách tiếp cận không chính thức. Tuy nhiên, cần chú ý rằng trong khi cách tiếp cận chính thức không bao gồm Đài Loan (Trung Quốc Đài Bắc) trong tiến trình, nhưng lại bao gồm My-an-ma – quốc gia là thành viên của ASEAN mặc dù không nằm ở Biển Đông, thì cách tiếp cận không chính thức lại bao gồm Đài Loan, coi đây là một “thực thể” trong các vấn đề Biển Đông mặc dù không có quốc gia nào trong khu vực biển Đông có quan hệ ngoại giao với Đài Loan.

Mục tiêu của hội thảo không chính thức về Biển Đông không nhằm giải quyết các tranh chấp liên quan đến lãnh thổ giữa các nước tuyên bố chủ quyền lãnh thổ khác nhau mà là đạt được 3 mục tiêu: (1) Tạo ra các chương trình hợp tác trong đó tất cả các nước có liên quan có thể tham gia, (2) Thúc đẩy đối thoại giữa các bên có lợi ích liên quan trực tiếp để các nước có thể tìm ra cách giải quyết cho các vấn đề của mình, và (3) là phát triển tiến trình xây dựng lòng tin để mọi người đều cảm thấy thoải mái với nhau.

Kể từ khi bắt đầu, Hội Thảo về Biển Đông đã có những bước tiến triển và đi đến thỏa thuận ở một số quyền tắc cơ bản trong việc Quản lý các Xung đột Tiềm ẩn. Hội thảo lần thứ 2 ở Băng Dung vào tháng 7 năm 1991 đã khuyến nghị đến các chính phủ có liên quan, sau đó trở thành các nhân tố cho các tuyên bố hoặc nguyên tắc ứng xử về Biển Đông, như:

a. Thăm dò các khu vực hợp tác ở Biển Đông mà không gây phương hại đến các tuyên bố pháp lý và các tuyên bố về chủ quyền lãnh thổ

b. Các lĩnh vực hợp tác như trên có thể bao gồm hợp tác thúc đẩy an toàn hàng hải và giao thông liên lạc, phối hợp tìm kiếm và cứu nạn, chống hải tặc và cướp có vũ trang, thúc đẩy việc sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên sinh vật, bảo vệ và bảo tồn môi trường biển, phối hợp thực hiện các nghiên cứu khoa học về biển, và loại trừ buôn bán thuốc phiện trái phép trên Biển Đông.

c. Trong các khu vực nơi có các tuyên bố chủ quyền lãnh thổ xung đột nhau, các bên có liên quan có thể xem xét khả năng hợp tác vì lợi ích chung bao gồm cả việc trao đổi thông tin và cùng khai thác.

d. Bất kì tranh chấp pháp lý nào hoặc tranh chấp lãnh thổ nào ở khu vực Biển Đông nên được giải quyết bằng các biện pháp hòa bình thông qua đối thoại và đàm phán

e. Không nên sử dụng vũ lực để giải quyết các tranh chấp pháp lý và tranh chấp chủ quyền lãnh thổ.

f. Các bên có liên quan trong các tranh chấp trên nhất định cần phải tự kiềm chế để tránh phức tạp hóa tình hình.

Kinh nghiệm về các vấn đề Biển Đông cho thấy **hợp tác khoa học và kỹ thuật tương đối dễ đạt được hơn là hợp tác về phân bổ các nguồn tài nguyên, và khó hơn nữa là các vấn đề liên quan đến lãnh thổ, chủ quyền và quyền tài phán.** Ví dụ, liên quan đến việc thúc đẩy hợp tác, đã có thỏa thuận trong việc tìm hiểu một số phương pháp hợp tác, trong đó đã đưa đến việc thực hiện một số phương pháp như thăm dò sự đa dạng sinh học, và một số thăm dò đã được thực hiện như quan sát hiện tượng mực nước biển tăng và các theo dõi liên quan đến môi trường. Các chương trình đào tạo chung do Trung Quốc và Đài Loan chủ trì dành cho Mạng lưới giáo dục và Đào tạo Đông Nam Á (SEANET) cũng đang được Đài Loan

(2010) và Trung Quốc (2011) phối hợp thực hiện với chi phí do mỗi bên tự lo, với sự tham gia của các nước có liên quan đến Biển Đông.

Về vấn đề **thúc đẩy đối thoại** giữa các bên, **Trung Quốc và Việt Nam** cũng đã đi đến thỏa thuận về việc phân định vùng biển ở Vịnh Bắc Bộ (Tonkin) và một số ví dụ như hợp tác chung khai thác đánh bắt cá ở trong khu vực. **Việt Nam và Indonexia** cũng đã đi đến thỏa thuận về phân định thềm lục địa lần lượt ở phần phía Nam Biển Đông và phía Bắc Natuna.

Về vấn đề thúc đẩy tiến trình Xây Dựng Lòng tin, **như đã đề cập ở trên ASEAN và Trung Quốc** đã thỏa thuận **Tuyên bố Ứng xử** với Trung Quốc năm 2002. **Trung Quốc và Philipin** (năm 1995), cũng như Việt Nam và Philipin (năm 1996) cũng đã thỏa thuận một số Quy tắc Ứng xử giữa các nước này. Hầu hết, các nội dung của các Tuyên bố Ứng xử này giống với các Tuyên Bô Hội thảo năm 1991. Trước đây, các nước hiểu là không được chiếm các điểm (đảo/đá) mới cũng như không được gia tăng quân sự ở biển Đông. Tuy nhiên, cũng cần chú ý rằng **gần đây một số các cách ứng xử được thỏa thuận không được một số các bên có liên quan tuân thủ.**

Một số bài học đã được rút ra về quản lý các xung đột tiềm ẩn hoặc xung đột hiện tại ở Biển Đông. Trong đó, có một số bài học có thể hữu ích đối với các khu vực khác. Một số có thể được áp dụng lại trong các trường hợp khác, nhưng điều đó có thể cho thấy tính liên quan của chúng trong việc đối phó với việc quản lý các xung đột tiềm ẩn.

Có một số diễn đàn khác nhằm đối phó với các vấn đề Biển Đông như Diễn đàn Đối thoại ASEAN-Trung Quốc và các thảo luận không chính thức ở ARF và CSCAP. Tuy nhiên, các bên liên quan trong Tiến Trình Hội thảo Biển Đông thỏa thuận rằng các diễn đàn khác này không nên dùng để thay thế Tiến trình Hội thảo Biển Đông, và họ cũng đồng ý nên tiếp tục tiến trình hội thảo và tất cả các nước và chính quyền địa phương ven biển ở Biển Đông nên ủng hộ.

I. Một số bài học tôi đã rút ra qua 20 năm quản lý tiến trình Hội thảo về Biển Đông (SCSW) là:

1) **Các bên liên quan đến xung đột phải nhận thấy rằng khi tranh chấp nổ ra, đặc biệt là xung đột vũ trang, sẽ không giúp giải quyết các tranh chấp và cũng sẽ không mang lại lợi ích cho các bên; thực sự những**

điều này chỉ gây tổn hại chung và mất mát cho các bên liên quan. Tôi hi vọng rằng các nhà lãnh đạo ở khu vực Biển Đông sẽ dần nhận ra bài học này.

2) **Cần phải có ý chí chính trị nhằm giải quyết các tranh chấp một cách hòa bình**, và áp dụng mọi biện pháp nhằm ngăn chặn không để việc tiếp tục tranh chấp biến thành xung đột vũ trang. Các bên phải nhận ra rằng giải pháp cho tranh chấp nằm trong lợi ích của chính họ chứ không phải là sự tiếp tục kéo dài xung đột. Tôi e rằng mặc dù có nhiều tuyên bố giải quyết tranh chấp một cách hòa bình, trên thực tế vẫn chưa đạt được nhiều nỗ lực hoặc tiến bộ trong vấn đề này.

3) **Một trong những bài học khó khăn nhất là các bên không nên hợp pháp hóa các tuyên bố chủ quyền về lãnh thổ của mình và không nên lôi kéo ý kiến công chúng càng nhiều càng tốt**, nhất là trong các khu vực mà các tuyên bố chủ quyền rõ ràng có tranh chấp. Việc hợp pháp hóa các tuyên bố chủ quyền về lãnh thổ và tìm kiếm sự ủng hộ của dư luận có xu hướng khiến tất cả các lập trường của mỗi bên chắc chắn hơn, khiến cho việc tìm kiếm giải pháp hoặc các thỏa hiệp hoặc thậm chí là các giải pháp tạm thời như ‘phát triển chung’ trở nên khó hơn. Tôi cảm thấy rằng bài học này rất khó học.

4) **Cần phải tăng ‘tính minh bạch’ trong chính sách, hiến pháp, văn bản của quốc gia, và tổ chức các cuộc họp thường xuyên hơn, cả chính thức và không chính thức giữa các quan chức pháp lý từ các quốc gia khác nhau trong khu vực** nhằm trao đổi tài liệu và thông tin cũng như các kế hoạch lập pháp của mỗi nước. Các nỗ lực thành công thường bắt đầu từ các nỗ lực không chính thức, hoặc là thông qua tiến trình kênh 2 hoặc thông qua tiến trình kênh 1. Sau khi các nỗ lực này cho thấy có khả năng thành công, thì nên nỗ lực áp dụng cách tiếp cận ‘kênh 1’ chính thức hơn. Đối với Biển Đông, việc hiểu và giải thích được những gì đang thực sự được tuyên bố chủ quyền là không dễ dàng (yêu sách toàn bộ biển Đông hay các điểm đảo/đá, hay các quyền của các điểm đó được có các khu vực biển được tuyên bố chủ quyền) và các giới hạn chính xác của các tuyên bố chủ quyền này cũng như các cơ sở pháp lý đối với các tuyên bố chủ quyền này là gì.

5) **Tất cả các bên quan tâm đến việc tìm giải pháp cho các vấn đề nên áp dụng chính sách ngoại giao phòng ngừa ở cấp khu vực hoặc quốc tế.**

Các giải pháp chỉ tính đến lợi ích quốc gia và lợi ích của khu vực mà không quan tâm đến lợi ích của các quốc gia ngoài khu vực không phải là các giải pháp có hiệu quả lâu dài. Tất nhiên cũng nên hiểu đây không phải là đang quốc tế hóa các vấn đề.

II. Một số nguyên tắc cơ bản cần tuân thủ trong việc khởi động một sáng kiến không chính thức

1) **Sử dụng phương thức bao gồm tất cả.** Không loại trừ bất kỳ nước nào hoặc bên nào có lợi ích liên quan trực tiếp trong tiến trình.

2) **Bắt đầu với các vấn đề ít nhạy cảm hơn,** các vấn đề mà các bên liên quan cảm thấy thoải mái khi bàn thảo mà không gây ra sự phản đối từ phía chính phủ hay cơ quan có thẩm quyền của họ. Ví dụ, nguồn dầu mỏ hay nguồn tài nguyên được coi là chủ đề nhạy cảm; Bảo vệ môi trường được xem là chủ đề dễ chịu hơn.

3) **Các bên tham gia nên là các quan chức cấp cao hoặc là các nhân vật nổi tiếng quan trọng trong chính phủ hoặc trong các cơ quan thẩm quyền của các bên,** mặc dù họ tham gia trong tiến trình với tư cách cá nhân.

4) **Ít nhất trong giai đoạn đầu, không cần thiết phải thể chế hóa cấu trúc của tiến trình hoặc tạo ra một cơ chế vĩnh viễn. Tiến trình nên được giữ ở mức càng linh động càng tốt.**

5) **Không nên nói rộng bất đồng và nên nhấn mạnh hợp tác.** Thu hút sự chú ý của quốc tế mang tính ‘khiêu khích’ quá sớm, hoặc ngay lập tức quốc tế hóa tiến trình có thể gây tổn hại về sau.

6) **Về sự nhạy cảm và tế nhị của một số vấn đề, nên bắt đầu với những điều có thể và theo phương thức từng bước từng bước một,** nên cân nhắc các nguyên tắc tiết kiệm chi phí.

7) **Cần hiểu rằng tiến trình quản lý các xung đột tiềm ẩn là một tiến trình liên tục và lâu dài, nơi mà việc thiếu vắng các kết quả cụ thể ngay lập tức không nên là nguyên nhân để tuyệt vọng và tức giận.**

8) **Nên giữ các mục tiêu ở mức đơn giản.** Như đã đề cập ở trên, Hội thảo Biển Đông có 3 mục tiêu: Học cách **hợp tác**; Khuyến khích **đối thoại**

giữa các bên có liên quan trực tiếp, và **phát triển xây dựng lòng tin** để các bên tham gia cảm thấy thoải mái khi thảo luận các vấn đề khó.

9) **Vai trò của người khởi xướng, người đối thoại, người triệu tập tiến trình cũng như vai trò của những người ủng hộ và những nhà tài trợ không phải là bên tranh chấp là cực kỳ cần thiết.** Người khởi xướng, người triệu tập, hoặc người đối thoại cần phải công bằng, kiên nhẫn và tâm huyết cũng như có sự kiên quyết và kiến thức sâu rộng về các vấn đề nhạy cảm có liên quan. Đồng thời, họ phải có khả năng duy trì sự tôn trọng và tiếp tục ủng hộ và hợp tác với tất cả các bên. Họ cũng cần luôn nhớ lợi ích chung và nên bị thúc đẩy bởi những điều tốt đẹp chung chứ không phải lợi ích của một vài cá thể hoặc một nhóm riêng, mặc dù họ cũng cần phải ý thức được tất cả các lợi ích xung đột này và nên ở trong tư thế sẵn sàng xoa dịu chúng, nên nỗ lực để đưa ra các quyết định mang tính đồng thuận.

Sau khi khởi động tiến trình không chính thức 20 năm trước đây, tôi cũng đã rút ra thêm một số bài học cho các nước xung quanh vấn đề Biển Đông:

1) **Các nước lớn hơn trong khu vực nên quan tâm tới quan điểm của các nước láng giềng,** đặc biệt là các nước nhỏ hơn. Các nước lớn hơn nên cẩn thận hơn để không bị coi là đang lấn át hay bắt nạt các nước láng giềng nhỏ hơn.

2) **Nên nỗ lực mở rộng các bên có liên quan trong các chương trình hợp tác và làm sâu rộng hơn các lĩnh vực hợp tác** đồng thời thúc đẩy sự phát triển của các quốc gia trong khu vực. Càng có nhiều nỗ lực hợp tác phát triển kinh tế, khoa học, kỹ thuật vì lợi ích cả 2 bên, càng nhiều khả năng các nỗ lực ấy thành hiện thực.

3) **Cần nhấn mạnh hơn đến các lợi ích chung và khu vực.** Các nước trong khu vực cần **học cách theo đuổi lợi ích của quốc gia mình trong sự hòa hợp khu vực;** trên thực tế họ nên coi việc theo đuổi lợi ích của khu vực là một phần lợi ích của quốc gia.

4) **Nên từng bước phát triển khái niệm về sự cố kết quốc gia thành khái niệm về tính gắn kết và cố kết khu vực.** Các kinh nghiệm khả quan của ASEAN mang tính hướng dẫn rất cao. Khái niệm về **sự cố kết quốc gia** dạy

rằng sức mạnh của một quốc gia phụ thuộc và sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi vào các mối liên kết yếu nhất. **Sự cố kết quốc gia** sẽ tăng nếu sự yếu kém trong các thành tố tạo nên nó được khắc phục và các mối liên kết giữa chúng được tăng cường. Cũng tương tự như vậy, **sự cố kết khu vực** sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi sự bất ổn ở một hoặc ở nhiều quốc gia trong chính khu vực đó và bởi sự giảm tính liên kết giữa các nước trong khu vực.

5) **Một bài học khác khó nhất là các nước trong khu vực nên ít nhạy cảm hơn đối với khái niệm về “chủ quyền quốc gia”, bởi vì mọi người cho rằng ngày càng có nhiều vấn đề trước đây có thể cho là mang tính quốc gia, nhưng ngày nay trở nên mang tính khu vực nhiều hơn và có nhiều tác động mang tính khu vực hơn, như các vấn đề môi trường, các vấn đề ổn định chính trị trong nước, và các vấn đề nhân quyền nghiêm trọng.** ASEAN đã và đang có thể phát triển khái niệm này từ khái niệm ‘hợp tác khu vực’ đến khái niệm ‘can dự mang tính xây dựng’, rồi đến khái niệm ‘tăng cường tương tác’ trong lợi ích chung và tạo nên ý thức “cộng đồng”, trong các vấn đề an ninh, chính trị, kinh tế hay các vấn đề về cộng đồng xã hội.

6) Nội trong ý nghĩa thực sự về một láng giềng tốt ở phương Đông, **các nước trong khu vực phải có khả năng giúp đỡ láng giềng của mình nếu được yêu cầu.** Bất kỳ ‘sự cứu trợ nào’ từ các quốc gia giàu mạnh hơn đối với các quốc gia nhỏ yếu hơn trong khu vực cũng không nên dựa trên sự tính toán về ‘lợi ích kinh tế và lợi ích quốc gia’ một cách khắt khe, nhưng cũng nên có yếu tố chắc chắn của ‘tinh thần làm việc tốt và ‘không vụ lợi’, điều mà cuối cùng điều này sẽ thúc đẩy mạnh hơn tính gắn kết trong khu vực.

7) Các nước trong khu vực nên **tránh việc chạy đua vũ trang giữa các nước với nhau; trên thực tế, các nước nên có thể phối hợp các nhu cầu quốc phòng với nhau,** khi đó sẽ giúp duy trì tính minh bạch và sự hòa hợp trong khu vực. Có thể phát triển nhiều hợp tác về an ninh phi quân sự trong khu vực, điều mà cuối cùng sẽ giúp tránh được chạy đua vũ trang giữa các nước như ngăn chặn hải tặc, hay cướp bóc có vũ trang trên biển, các đường dây buôn bán thuốc phiện trái phép, các vấn đề về tị nạn, chủ nghĩa khủng bố quốc tế, nạn buôn lậu và các vấn đề khác.

8) **Các quốc gia ngoài khu vực ở nơi nào có thể thì nên ủng hộ phát triển không khí xây dựng trong khu vực vì hòa bình, ổn định và phát triển.** Tuy nhiên, các quốc gia này không nên can dự vào các tranh chấp pháp lý hoặc tranh chấp lãnh thổ trong khu vực, trừ khi các nước liên quan trong khu vực có yêu cầu, hoặc khi hệ quả của các cuộc tranh chấp trên đã và đang gây nguy hại hoặc sẽ gây nguy hại đến sự hòa bình, ổn định ở khu vực.

9) **Các nước trong khu vực nên thực hiện “chính sách ngoại giao phòng ngừa”** thông qua việc ngăn chặn không để các cuộc tranh chấp trở thành xung đột vũ trang mở hoặc không để xung đột lan rộng hoặc trở nên nghiêm trọng hơn. Cần có nhiều **cuộc đối thoại và các cách thức hoặc tiến trình xây dựng lòng tin hơn nữa giữa các quốc gia có liên quan**, được sự ủng hộ chính đáng của bên thứ hay của các cơ quan có thẩm quyền tốt.

10) **Các nước trong khu vực nên phát triển các nỗ lực hợp tác** nhằm quản lý các xung đột tiềm tàng bằng cách biến các cuộc xung đột đó thành sự hợp tác thực sự. **Bất kỳ xung đột tiềm tàng nào cũng chứa đựng trong đó nhân tố cho sự hợp tác.** Các nỗ lực nhằm định hình và thực hiện các dự án hợp tác nên thoát ra khỏi khuôn khổ thể hiện sự ủng hộ mang tính chính trị sang thực hiện trên thực tế thông qua việc cung cấp sự hỗ trợ cần thiết về mặt tài chính, kỹ thuật và hành chính.

11) **Các nước trong khu vực nên phát triển nhiều diễn đàn đối thoại khác nhau**, có thể là diễn đàn song phương, hoặc diễn đàn đa phương, có thể là chính thức hoặc không chính thức. Các diễn đàn đa dạng này hi vọng cuối cùng có thể đưa ra được **“một bộ quy tắc ứng xử”** trong khu vực được các bên chấp thuận. Không nên đánh giá thấp những đóng góp của các hoạt động kênh 2 cho ‘ngoại giao phòng ngừa’.

12) **Các nước nên tìm kiếm cách thức giải quyết một cách hòa bình các tranh chấp thông qua đối thoại;** thông qua đối thoại song phương nếu có tranh chấp song phương hoặc thông qua đối đa phương nếu có tranh chấp đa phương. Bởi vì hầu hết các bên đều đã là thành viên của Liên Hợp Quốc và là thành viên của Công ước luật Biển 1982, và tất cả các nước đã hứa cam kết giải quyết các tranh chấp thông qua hòa bình, cho nên các nước này nên

thực hiện các cam kết đó thông qua việc **giải quyết các tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình càng sớm càng tốt.**

13) **Cơ chế thứ 3 giải quyết tranh chấp cũng nên được tìm hiểu và tận dụng** như là các cơ quan có thẩm quyền tốt, trung gian hòa giải, trọng tài và nếu cần thiết cũng có thể nhờ đến sự phân xử của Tòa án Công lý Quốc tế hoặc Tòa Án về Luật Biển. Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ASEAN (TAC) năm 1976 đã phát triển được một số cơ chế nhất định nhằm giải quyết các tranh chấp giữa các nước ASEAN, dù các cơ chế này chưa bao giờ được sử dụng. **Nên xem xét một cơ chế mới cho toàn bộ khu vực biển Đông** có thể dựa trên TAC hoặc từ các hình mẫu khác.

14) **Các nước trong khu vực nên nỗ lực giải quyết các đường biên giới đất liền, trên biển, và quyền tài phán càng sớm càng tốt** và tôn trọng các đường biên giới đã được thỏa thuận trước. Không nên giải quyết các vấn đề biên giới bằng cách đơn phương ban hành luật quốc gia, bởi vì việc ban hành luật có xu hướng làm rắn thêm lập trường chứ không giúp các bên tìm được giải pháp. Việc trì hoãn giải quyết các tranh chấp pháp lý và lãnh thổ sẽ không có lợi trong việc thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực; càng trì hoãn lại càng khiến cho lập trường của mỗi nước trong tranh chấp trở nên mạnh hơn, khiến tranh chấp trở nên khó giải quyết hơn gây tổn hại đến các nước liên quan cũng như đến toàn bộ khu vực.

15) **Trong một số khu vực đang tranh chấp, việc áp dụng khái niệm cùng khai thác có thể hữu dụng** chừng nào mà **khu vực tranh chấp, đối tượng** có thể cùng khai thác, **cơ chế** cho sự khai thác chung đó và các bên tham gia trong khái niệm cùng khai thác đó, và **các bên có liên quan** đồng ý nghiêm túc đàm phán về các **phương thức** cho khái niệm cùng khai thác trong một khu vực cụ thể.

16) Trong khi khuyến khích các hoạt động kênh 1 trong khu vực châu Á Thái Bình Dương tích cực và sáng tạo hơn nhằm đối phó với các xung đột tiềm ẩn, **thì việc có thêm nhiều thảo luận hơn từ các hoạt động kênh 2 bao gồm các nhóm học giả và các nhóm chuyên gia cũng sẽ rất hữu ích.**

17) **Lợi ích của các quốc gia ngoài khu vực** và sự đóng góp tiềm năng của các quốc gia này vào việc giúp tránh các xung đột trong khu vực cũng cần được xem xét, cân nhắc.

18) Gần đây có một số gợi ý rằng một số quốc gia ASEAN nên đoàn kết và chống lại Trung Quốc trong các vấn đề tranh chấp lãnh thổ và quyền tài phán ở biển Đông (xem ví dụ KOMPAS, ngày 1 tháng 6 năm 2011). Nỗ lực này có thể khó đạt được vì một số lý do sau:

a. Bản thân số quốc gia ASEAN đã có tranh chấp với nhau, như Philipin và Malaysia. Thực tế, khi Malaysia và Việt Nam cùng đệ trình giới hạn biên giới thêm lục địa ở Biển Đông lên Ủy ban Thêm lục địa của Liên Hợp Quốc, hành động này đã bị Philipin và Trung Quốc phản đối.

b. **Trong 10 nước ASEAN, có 4 nước liên quan đến tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông (Việt Nam, Malaysia, Brunei, và Philipin), 6 nước còn lại (Indonesia, Singapore, Thailand, Cambodia, Laos, and Myanmar) không có liên quan hoặc không trực tiếp liên quan trong các tranh chấp lãnh thổ về các điểm đảo/đá ở biển Đông.** Trừ khi có sự thống nhất, 6 nước còn lại không có lợi ích cụ thể nào trong việc tham gia vào các tranh chấp về lãnh thổ, ngoài nhu cầu bảo đảm hòa bình và ổn định trong khu vực. Nhưng dù sao **có thể 6 nước còn lại trong khu vực ASEAN có thể đưa ra được sáng kiến chung để tạo ra các cơ chế tốt mà có thể khiến 4 nước tuyên bố chủ quyền ngồi vào bàn đàm phán với 2 nước tuyên bố chủ quyền còn lại không thuộc ASEAN.**

c. **Việc hình thành nên một sự “thống nhất” trong ASEAN chống lại Trung Quốc có vẻ như là “một cách tiếp cận đối đầu” chứ không phải là “hợp tác”.** Tiến trình hội thảo về Biển Đông được thúc đẩy bởi cách tiếp cận hợp tác trong vòng 20 năm qua nhằm tránh các tình thế đối đầu. Kinh nghiệm cũng cho thấy Trung Quốc có vẻ sẵn sàng hưởng ứng cách tiếp cận hợp tác hơn là đối đầu.

d. Cuối cùng liên quan đến khả năng cùng khai thác các nguồn năng lượng hydrocacbon ở Biển Đông, khả năng này tồn tại nếu các nước có liên quan có thể cân nhắc các bài học mà tôi đã liệt kê ở trên

*Một số luận điểm nghiên cứu trong bài nghiên cứu này đã được xuất bản trước đây trong sách của tôi: Ngoại giao phòng ngừa ở Đông Nam Á, do Habibie Center, Jakarta xuất bản năm 2003, đã được giới thiệu lên Cơ quan Nghiên cứu (NBR), Washington DC 2001 và các diễn đàn khác nhau.

Bản gốc tiếng Anh: “*The South China Sea: Cooperation for Regional Security and Development*”

Bài tham luận tại Hội thảo Khoa học Quốc tế lần thứ ba: “**Biển Đông: Hợp tác vì An ninh và Phát triển trong Khu vực**” do Học viện Ngoại giao và Hội Luật gia đồng tổ chức tại Hà Nội từ 4-5/11/2011.